

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử trong cơ quan, đơn vị thuộc thành phố

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và các quy định có liên quan;
- Căn cứ Quy định số 16-QĐ/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
- Căn cứ Quy định số 145-QĐ/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;
- Căn cứ Quyết định số 146-QĐ/TU, ngày 04/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, nhiệm kỳ 2020 - 2025;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố.

Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định (tạm thời) về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử trong cơ quan, đơn vị, tổ chức đảng trực thuộc, cụ thể như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và đối tượng khác có liên quan ngoài chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý, cho ý kiến (sau đây gọi chung là cán bộ).

2. Văn bản này áp dụng đối với: Các ban thuộc Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố; cấp ủy, cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước (trừ Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố); đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã); doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước thuộc thành phố (gọi chung là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp); công chức, viên chức, người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và đối tượng khác có liên quan trong cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Cụ thể hóa các quy định của Trung ương, Thành ủy về yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, đảm bảo công khai, minh bạch, phân cấp quản lý cán bộ cho các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, liên thông trong công tác cán bộ.

3. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý cán bộ

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

2. Bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân, trước hết là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ theo quy định.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 4. Nội dung quản lý cán bộ

1. Phân cấp quản lý cán bộ.

2. Đánh giá cán bộ.

3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

4. Tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, đối với cán bộ.

5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ; đi công tác, học tập, đi việc riêng ở trong nước và nước ngoài đối với cán bộ.

7. Kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Ban chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện định hướng và quyết định những chủ trương, vấn đề hệ trọng về công tác cán bộ và cán bộ theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ đối với một số chức danh cán bộ lãnh đạo thuộc tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp (ngoài chức danh thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy) theo phân cấp quản lý cán bộ; đồng thời phân công, phân cấp cho các cơ quan, địa phương, đơn vị quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung đối với các chức danh cán bộ khác.

3. Cấp ủy, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ đang công tác, sinh hoạt đảng ở địa phương, cơ quan, đơn vị, trong đó có cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

4. Trường hợp một người đồng thời được giao đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì cấp quản lý chức vụ cao nhất của người đó xem xét, quyết định.

5. Cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ chính sách theo quy định, cho từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố

1. Chịu trách nhiệm trước Ban thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Thành ủy về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ, quyết định công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Trung ương, Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trình Ban Thường vụ Thành ủy về nhân sự tại chỗ để chỉ định, giới thiệu ứng cử hoặc cho rút các chức danh Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Căn cứ quy định của Trung ương, của Thành ủy thảo luận, quyết định số lượng Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố; điều chỉnh cơ cấu Ban chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố ngoài cơ cấu được xác định theo quy định của Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Thành ủy.

5. Bầu Ủy viên ban thường vụ, Bí thư, Phó bí thư, Ủy viên Ủy ban kiểm tra, Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng ủy theo quy định Điều lệ Đảng; Chuẩn bị nhân sự Đảng ủy khóa mới.

Xét, đề nghị kỷ luật cấp ủy viên, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy theo quy định của Điều lệ Đảng.

6. Ủy quyền cho Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quyết định một số nội dung về công tác cán bộ và cán bộ; quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố

1. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Thảo luận và quyết định:

2.1. Đánh giá, xếp loại hàng năm; tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; giao quyền cấp trưởng, giao phụ trách cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các chi bộ, đảng bộ, các cơ quan tham mưu, giúp việc, tổ chức chính trị xã hội trực thuộc Đảng ủy; cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; đề cử để bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ thôi việc, nghỉ hưu trước tuổi, thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý tại Khoản 1 Mục I Phụ lục 1 Quy định này theo phân cấp quản lý cán bộ

2.2. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên theo quy định của Trung ương và theo phân cấp quản lý cán bộ.

2.3. Chuẩn y ban chấp hành, ủy ban kiểm tra và các chức danh lãnh đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ và các chức danh lãnh đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố; quyết định tăng thêm số lượng cấp ủy viên của chi bộ, đảng bộ trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng.

Cho ý kiến về nhân sự giới thiệu ứng cử tham gia cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở; cho thôi, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật đối với cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, bí thư, phó bí thư các chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố.

Phê duyệt quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ; trưởng, phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, các đoàn thể trực thuộc Đảng ủy.

2.4. Tham gia ý kiến về quy hoạch, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với cán bộ công tác và sinh hoạt đảng trong đảng bộ.

3. Chuẩn bị nhân sự để báo cáo Ban chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy giới thiệu ứng cử chức danh Phó Bí thư Đảng ủy (chuyên trách); nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành; giới thiệu nhân sự để Ban Chấp hành Đảng bộ bầu bổ sung Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố. Cho chủ trương về điều chỉnh cơ cấu Ban chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố ngoài cơ cấu được xác định theo quy định của Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Thành ủy; chuẩn bị nhân sự khóa mới báo cáo Ban chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố; phê duyệt phương án nhân sự Đại hội các chi bộ, đảng bộ trực thuộc.

4. Cho ý kiến về nội dung quản lý cán bộ đối với chức danh cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ nêu tại Khoản 2 Mục I Phụ lục 1 Quy định này. Thảo luận và quyết định phân cấp quản lý cán bộ đối với cơ quan, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố. Quyết định số lượng cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc; số lượng cấp phó các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy). Quyết

định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ của các cấp ủy trong Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Gợi ý kiểm điểm và chỉ đạo việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân theo thẩm quyền được phân cấp.

6. Định kỳ báo cáo Ban chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố về công tác cán bộ theo Quy chế làm việc của Đảng ủy.

Điều 8. Ban thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy

1. Chỉ đạo giải quyết công việc hàng ngày của Đảng ủy; những vấn đề đột xuất phát sinh giữa hai kỳ họp của Ban Thường vụ Đảng ủy; công việc đột xuất, phát sinh theo sự chỉ đạo của cấp trên và theo quy chế làm việc của Đảng ủy. Báo cáo kết quả giải quyết cho Ban Thường vụ Đảng ủy tại phiên họp gần nhất.

2. Được Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền một số công việc cụ thể gồm:

2.1. Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy tiếp nhận, sắp xếp, điều động, luân chuyển cán bộ các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy;

2.2. Quyết định thẩm tra những cán bộ thuộc diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý khi có vấn đề phải xem xét về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay theo quy định của Bộ Chính trị và một số vấn đề quan trọng khác về cán bộ (bằng cấp, học hàm, học vị, độ tuổi, tài sản, thu nhập...) để Ban Thường vụ xem xét, kết luận. Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách ký ban hành Kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với các trường hợp không có vấn đề chính trị cần xem xét theo phân cấp quản lý cán bộ, theo đề xuất của Ban Tổ chức Đảng ủy.

2.3. Cho chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố trước khi trình Ban Thường vụ Đảng ủy, Đảng ủy xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2.4. Xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định cho phép cán bộ, đảng viên đi trong nước, nước ngoài theo quy định.

2.5. Xem xét đề nghị Thành ủy tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên. Cho ý kiến xét tặng các hình thức khen thưởng đối với cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2.6. Chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và thực hiện chế độ, chính sách cán bộ, thăm viếng tang lễ đối với đối tượng thuộc diện quản lý theo quy định. Xây dựng kế hoạch mở các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức hằng năm cho cán bộ, đảng viên theo quy định.

2.7. Tham gia ý kiến với các cơ quan Trung ương về đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật đối với cấp trưởng, cấp phó thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc đang công tác và sinh hoạt tại Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố.

2.8. Ủy quyền cho các đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy ký duyệt các văn bản thuộc ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Chỉ đạo cán bộ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Bí thư Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

1. Quyết định một số nội dung quản lý công tác cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền theo Quy định số 145-QĐ/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

2. Thê chế quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về công tác cán bộ đối với chức danh thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy đang công tác ở khối chính quyền (trừ chức danh thuộc quyền quyết định của cơ quan, đơn vị).

3. Sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện một số nội dung sau:

3.1. Quyết định đánh giá, xếp loại hàng năm đối với người đứng đầu sở, ngành và tương đương theo quy định;

3.2. Quyết định nội dung về quản lý cán bộ đối với chức danh cán bộ quản lý theo Khoản 1 Mục I Phụ lục 1 Quy định này, gồm: Đánh giá, xếp loại hàng năm; tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, điều động, luân chuyển, biệt phái; chuyển đổi chức vụ, chức danh; giao quyền cấp trưởng, giao phụ trách cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; cử người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đề cử để bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý tại doanh nghiệp; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ, thôi việc; nghỉ hưu trước tuổi; khen thưởng, kỷ luật.

3.3. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với cán bộ giữ ngạch chuyên viên chính đang công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội trong biên chế của Đảng ủy.

4. Quyết định một số nội dung sau:

4.1. Chế độ chính sách đối với cán bộ diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý theo quy định có liên quan (trừ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và các chế độ phụ cấp theo lương đối với chức danh cán bộ khối chính quyền).

4.2. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế đối với chức danh Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4.3. Thông báo nghỉ hưu đối với cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương thuộc khối chính quyền; chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; ký quyết định nghỉ hưu đối với chức danh diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý thuộc khối chính quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

4.4. Ký quyết định nghỉ hưu đối với chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác ở khối chính quyền theo phân cấp quản lý; chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chức danh diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.

5. Cho ý kiến về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển đối với chức danh cán bộ được phân cấp quản lý theo Mục II Phụ lục 1 Quy định này.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của cấp ủy trực thuộc Đảng ủy

1. Tham gia lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư, nhân sự bổ sung ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy; chuẩn bị nhân sự khóa mới.

3. Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy theo quy định Điều lệ Đảng.

4. Phê duyệt phương án nhân sự và chỉ đạo việc tổ chức đại hội các tổ chức đảng trực thuộc.

5. Thực hiện các nội dung khác về cán bộ và công tác cán bộ theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Tổ chức Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố

1. Là cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy về công tác tổ chức xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; công tác tổ chức, biên chế, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ; hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, Thành ủy, Đảng ủy

về cán bộ và công tác cán bộ. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy.

2. Tổng hợp, theo dõi đội ngũ cán bộ diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý; phối hợp với các cấp ủy trực thuộc đảng ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy giúp Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy quản lý, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng các chức danh thuộc quyền quyết định của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố và cán bộ thuộc diện quy hoạch để đảm nhiệm các chức danh này.

3. Trình Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy các vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ theo phân cấp quản lý; trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy về chủ trương kiện toàn cán bộ diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, cho ý kiến theo phân cấp.

Thẩm định đề nghị của các cấp ủy trực thuộc Đảng ủy, lãnh đạo các sở, ban, ngành tổ chức chính trị xã hội và tương đương về nhận xét, đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ; cử cán bộ tham gia liên doanh, đi công tác, học tập, đi việc riêng ở nước ngoài; chuẩn bị các văn bản, quyết định để trình Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy ban hành.

4. Hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Trung ương, Ban Thường vụ Thành ủy và Ban Thường vụ Đảng ủy.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy theo dõi, kiểm tra, tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm một số chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ.

6. Phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng, cập nhật, lưu trữ và quản lý hồ sơ cán bộ tại các bộ phận tham mưu, giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của các sở, ngành theo quy định. Trực tiếp xây dựng, cập nhật, lưu trữ và quản lý hồ sơ cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy. Hướng dẫn thống nhất việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, đảng viên theo quy định của Trung ương và Thành ủy. Hướng dẫn, thẩm định; tham mưu, báo cáo việc thẩm tra, xác minh về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý theo quy định.

7. Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ và quản lý cán bộ định kỳ hoặc đột xuất đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố.

8. Tham mưu giúp Ban Thường vụ Đảng ủy nội dung tham gia ý kiến với các cơ quan, đơn vị Trung ương về cán bộ lãnh đạo các đơn vị đóng trên địa bàn, sinh hoạt đảng tại địa phương, thuộc thẩm quyền quyết định của ngành dọc Trung ương (trừ diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy cho ý kiến).

9. Thực hiện một số nhiệm vụ do Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy giao.

9.1. Triển khai ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy về công tác cán bộ để các cấp ủy trực thuộc và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định.

9.2. Thẩm định, rà soát, tham mưu kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ thuộc thẩm quyền kết luận tiêu chuẩn chính trị của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy theo phân cấp quản lý cán bộ.

9.3. Thông báo ý kiến của Thường trực Đảng ủy đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy quản lý đi công tác, học tập, đi việc riêng ở trong nước, nước ngoài.

9.4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định và xác nhận kết quả quy hoạch; thông báo kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ đối với các chức danh cán bộ diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.

9.5. Giải quyết một số chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ theo sự ủy quyền của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy.

9.6. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu đề xuất nhân sự và thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định đối với nhân sự do Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố lựa chọn; dự kiến bổ nhiệm (không do cơ quan, đơn vị giới thiệu) từ nguồn nhân sự ngoài cơ quan, đơn vị giữ các chức danh thuộc diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.

10. Thực hiện một số nhiệm vụ khác về tổ chức, cán bộ do Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy giao.

11. Định kỳ báo cáo về công tác cán bộ theo quý, 6 tháng và năm cho Ban Thường vụ Đảng ủy.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy và Văn phòng Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố

1. Phối hợp với Ban Tổ chức Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi, kiểm tra, giám sát và tham gia thẩm định nhân sự để cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm đối với các chức danh theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phối hợp với Ban Tổ chức Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố thẩm định nhân sự quy hoạch, bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử đối với các chức danh thuộc thẩm quyền trực tiếp quyết định, cho ý kiến của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Trên cơ sở đề nghị của cấp ủy trực thuộc Đảng ủy và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy thẩm định trình Thường trực Đảng ủy chuẩn y kết quả bầu cử chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc Đảng ủy.

4. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy quyết định kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đối với cán bộ thuộc diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý; trình Ban Thường vụ Đảng ủy về kỷ luật cán bộ theo quy định.

5. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy trình Ban Thường vụ Đảng ủy về dự kiến nhân sự kiện toàn chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra; cho chủ trương về nhân sự kiện toàn ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp ủy trực thuộc Đảng ủy.

6. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy trực tiếp chuẩn bị và phối hợp với Ban Tổ chức Đảng ủy về nhân sự Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; giới thiệu để Ban Chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố bầu theo nhiệm kỳ và bầu bổ sung khi cần. Trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

7. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tiếp nhận, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập; xác minh tài sản, thu nhập của cán bộ diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc Sở, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh Thanh tra thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng (gọi chung là Người đứng đầu sở, ngành và tương đương)

1. Quản lý đối với cán bộ thuộc diện cấp trên quyết định đang công tác, làm việc tại sở, ngành, tổ chức, đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền được phân cấp.

2. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và các chế độ phụ cấp theo lương đối với cán bộ diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc theo quy định có liên quan.

3. Quyết định quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách và công tác cán bộ khác đối với chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

4. Phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan chuẩn bị đề xuất với cấp có thẩm quyền về phương án cán bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp nhà nước trực thuộc.

5. Xin ý kiến Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trước khi ký quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển đối với chức danh cán bộ nêu tại Khoản 2 Mục I và Mục II Phụ lục 1 Quy định này, xin ý kiến Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách sở, ngành trước khi ký quyết định bổ nhiệm đối với chức danh cán bộ nêu tại Khoản 1 Mục III Phụ lục I Quy định này.

6. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: Ban hành thông báo nghỉ hưu đối với người đứng đầu sở, ngành và tương đương; quyết định nghỉ hưu đối với lãnh đạo sở, ngành và tương đương và người đứng đầu cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (nếu có) thuộc diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.

7. Thông báo nghỉ hưu đối với cấp phó người đứng đầu sở, ngành và tương đương, người đứng đầu ban, chi cục và đơn vị sự nghiệp nhà nước trực thuộc sở và tương đương (không phân biệt thuộc quyền quản lý cán bộ); đồng thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ và phối hợp chuẩn bị nhân sự thay thế.

8. Thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức đối với cấp phó của người đứng đầu sở, ngành và tương đương, người đứng đầu ban, chi cục thuộc sở, người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, công chức, viên chức thuộc diện Người đứng đầu sở, ngành và tương đương quyết định theo thẩm quyền quản lý cán bộ và quy định.

9. Trên cơ sở đề nghị của cơ quan, đơn vị trực thuộc, trình Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố bằng văn bản về chủ trương, số lượng, nguồn nhân sự để bổ nhiệm hoặc giao quyền, giao phụ trách đối với chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố.

10. Chủ trì thực hiện quy trình bổ nhiệm cán bộ đối với chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố tại cơ quan, đơn vị trực thuộc (nếu có) trong các trường hợp sau:

10.1. Bổ nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị mới được thành lập.

10.2. Trường hợp thực hiện quy trình bổ nhiệm mà thời điểm đó cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập chỉ có một lãnh đạo là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu hoặc bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

10.3. Trường hợp thực hiện quy trình bổ nhiệm mà thời điểm đó nội bộ lãnh đạo, cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập mất đoàn kết, nhiều người vi phạm kỷ luật, nếu thực hiện quy trình bổ nhiệm sẽ thiếu khách quan.

10.4. Trường hợp vì thiên tai, tai nạn hoặc vì các lý do bất khả kháng khác mà cơ quan, tổ chức, đơn vị không còn người lãnh đạo, quản lý.

11. Thực hiện quản lý đối với trường hợp là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sỹ; Thầy thuốc ưu tú, Nhà giáo ưu tú, Nghệ sỹ ưu tú; Thầy thuốc Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân, Nghệ sỹ Nhân dân; Nghệ nhân Ưu tú; Nghệ nhân Nhân dân; các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành của thành phố đang công tác tại sở, ngành và cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (ngoài diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý).

12. Thực hiện công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý đối với chức danh cán bộ nêu tại Mục III Phụ lục 1 Quy định này và các chức danh cán bộ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: Ban hành thông báo nghỉ hưu và quyết định nghỉ hưu đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thông báo nghỉ hưu đối với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thực hiện quản lý đối với trường hợp là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sỹ; Thầy thuốc ưu tú, Nhà giáo ưu tú, Nghệ sỹ ưu tú; Thầy thuốc Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân, Nghệ sỹ Nhân dân; Nghệ nhân Ưu tú; Nghệ nhân Nhân dân; các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành của thành phố đang công tác tại xã, phường, đặc khu và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc ngoài diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý (nếu có).

4. Thực hiện công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý nêu tại Mục IV Phụ lục 1 Quy định này và các chức danh cán bộ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc quy định của cấp ủy cùng cấp.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của Người đứng đầu ban, chi cục thuộc sở, Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, trực thuộc sở, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trực thuộc Chi cục, ban (nếu có), trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thông báo nghỉ hưu đối với cấp phó của Người đứng đầu, đồng thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ và phối hợp chuẩn bị nhân sự thay thế.

2. Cơ quan, đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm cán bộ, trình Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố bằng văn bản về chủ trương, số lượng, nguồn nhân sự và dự kiến phân công công tác đối với nhân sự được dự kiến bổ nhiệm (qua cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp) đối với chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Thực hiện công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý nêu tại Mục V Phụ lục 1 Quy định này và các chức danh cán bộ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc quy định của cấp ủy cùng cấp.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Nội vụ

Sở Nội vụ là cơ quan tham mưu về công tác cán bộ và thực hiện một số nội dung sau:

1. Dự thảo Quyết định về công tác cán bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý khối chính quyền sau khi có thông báo, kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Dự thảo thông báo nghỉ hưu đối với người đứng đầu sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, và quyết định nghỉ hưu đối với lãnh đạo Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, chủ trì (hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành) tham mưu Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố cho chủ trương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho ý kiến thực hiện công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo phân cấp quản lý cán bộ.

4. Hướng dẫn, phối hợp với cơ quan, đơn vị đề xuất và thực hiện nội dung quản lý cán bộ đối với Người đứng đầu, cấp phó của Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, cử người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp có phần vốn góp của Nhà nước; phối hợp với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét đề cử người để thực hiện bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

5. Tổng hợp, thẩm định hồ sơ cán bộ đề nghị bổ nhiệm (hoặc nội dung quản lý cán bộ khác) của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, doanh nghiệp báo cáo, xin ý kiến Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; dự thảo văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hoặc có ý kiến về công tác cán bộ theo phân cấp.

6. Phối hợp với Ban Tổ chức Đảng ủy tham mưu đề xuất nhân sự và thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định đối với nhân sự do Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố lựa chọn, dự kiến bổ nhiệm (không do cơ quan, đơn vị giới thiệu) từ

nguồn nhân sự ngoài cơ quan, đơn vị giữ các chức danh thuộc diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.

7. Phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì thực hiện quy trình bổ nhiệm (hoặc nội dung quản lý cán bộ khác) đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố tại cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trong các trường hợp sau:

7.1. Bổ nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị mới được thành lập.

7.2. Trường hợp thực hiện quy trình bổ nhiệm mà thời điểm đó cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập chỉ có một lãnh đạo là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu hoặc bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

7.3. Trường hợp thực hiện quy trình bổ nhiệm mà thời điểm đó nội bộ lãnh đạo, cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập mất đoàn kết, nhiều người vi phạm kỷ luật, nếu thực hiện quy trình bổ nhiệm sẽ thiếu khách quan.

7.4. Trường hợp vì thiên tai, tai nạn hoặc vì các lý do bất khả kháng khác mà cơ quan, tổ chức, đơn vị không còn người lãnh đạo, quản lý.

8. Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thẩm định hồ sơ phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; đề nghị điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

9. Thông báo nghỉ hưu đối với: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (trừ trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý); Chủ tịch và kiểm soát viên trong các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn bị nhân sự thay thế.

10. Phối hợp với Người đứng đầu sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất nội dung quản lý cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý đang công tác tại các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để Bí thư Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

11. Tổng hợp phương án nhân sự được cử tham gia tại doanh nghiệp có phần vốn góp của thành phố, doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trình và thể chế hóa các quyết định của cấp có thẩm quyền; phối hợp với sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

12. Thực hiện các nội dung quản lý cán bộ được Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Bí thư Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao.

13. Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Ban Tổ chức Đảng ủy trong công tác kiểm tra việc thực hiện các nội dung quản lý cán bộ lãnh đạo, quản lý theo Quy định này.

Điều 17. Quy trình, thủ tục nghỉ hưu đối với cán bộ diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý

1. Ban hành thông báo nghỉ hưu

Trước 06 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, cấp ủy, cơ quan, đơn vị được phân cấp dưới đây phải ban hành thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu để cơ quan, đơn vị liên quan và cán bộ, công chức biết và gặp mặt cán bộ nghỉ hưu để sắp xếp, giải quyết công việc liên quan (nếu có).

1.1. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương thuộc khối chính quyền (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy); chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp phó các sở, ban, ngành và tương đương (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy); cán bộ thuộc quyền quản lý của cơ quan, đơn vị.

1.3. Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố ban hành thông báo nghỉ hưu đối với Phó Bí thư đảng ủy (chuyên trách), (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy).

2. Ban hành quyết định nghỉ hưu

Trước 03 tháng đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, cấp ủy, cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ theo phân cấp quản lý ban hành quyết định về việc nghỉ hưu đối với cán bộ theo đúng quy định.

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định nghỉ hưu đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác ở khối chính quyền theo phân cấp (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy là lãnh đạo các cơ quan khối chính quyền); chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chức danh diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.

2.2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ban hành quyết định nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc quyền quản lý của cơ quan, đơn vị theo phân cấp.

3. Trao quyết định nghỉ hưu

Trước thời điểm nghỉ hưu của cán bộ cấp ủy, cơ quan, đơn vị tổ chức gặp mặt và trao quyết định nghỉ hưu đối với cán bộ.

3.1. Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương thuộc khối chính quyền; Phó Bí thư (chuyên trách) Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố.

3.2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp phó các sở, ban, ngành và tương đương; cán bộ thuộc quyền quản lý của cơ quan, đơn vị theo phân cấp.

3.3. Ban thường vụ cấp ủy cấp xã gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Phó bí thư cấp ủy cấp xã, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Đối với việc ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi.

4.1. Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về việc nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác ở khối chính quyền theo phân cấp (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy là lãnh đạo các cơ quan khối chính quyền); chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

4.2. Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố về việc nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ thuộc diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.

4.3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ thuộc quyền quản lý của cơ quan, đơn vị theo phân cấp.

Chương III

BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU ỨNG CỬ, MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC, THÔI GIỮ CHỨC VỤ ĐỐI VỚI CHỨC DANH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 18. Nguyên tắc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Không xem xét bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử khi chưa có kết luận về chính trị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

4. Không bỏ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động đối với cán bộ, đảng viên đang bị xem xét, xử lý kỷ luật.

5. Kể từ khi người đứng đầu có thông báo nghỉ hưu, nghỉ chờ hưu hoặc thông báo chuyển công tác của cấp có thẩm quyền, cấp ủy, địa phương, cơ quan, đơn vị phải báo cáo bằng văn bản và phải được cấp trên trực tiếp đồng ý trước khi thực hiện quy trình công tác cán bộ theo thẩm quyền được phân cấp.

Điều 19. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo, cấp ủy, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

3. Cá nhân, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình. Cụ thể:

- Cá nhân, tập thể đề xuất: Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về đánh giá, nhận xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập... và ý kiến đề xuất của mình.

- Cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ và các cơ quan liên quan: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, đề xuất nhân sự theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Tập thể quyết định cán bộ: Chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Đảng và cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm tiêu chuẩn chính trị theo quy định; không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 01 năm; trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (trường hợp Trung ương có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Trung ương).

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh.

5. Độ tuổi: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào vị trí lãnh đạo, quản lý (cao hơn) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn một nhiệm kỳ. Tuổi của cán bộ tính theo giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực); nếu không có giấy khai sinh thì tính theo lý lịch đảng viên gốc có xác nhận của cấp ủy có thẩm quyền.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao (theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền).

7. Cán bộ bị kỷ luật thì không phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức vụ cao hơn chức vụ khi bị kỷ luật trong khoảng thời gian như sau (tính từ ngày ký quyết định kỷ luật):

- 12 tháng đối với hình thức kỷ luật Khiển trách.
- 30 tháng đối với hình thức kỷ luật Cảnh cáo.
- 60 tháng đối với hình thức kỷ luật Cách chức.

Điều 21. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 05 năm (60 tháng) đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị và doanh nghiệp nhà nước.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 05 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng (nếu có).

3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử căn cứ vào nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đó.

Điều 22. Trình tự, thủ tục và quy trình kiện toàn cấp ủy, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử

1. Đối với chức danh diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quản lý, cho ý kiến

1.1. Xin chủ trương kiện toàn cấp ủy, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu kiện toàn cấp ủy, bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố bằng văn bản về chủ trương đối với nhân sự được dự kiến kiện toàn, bổ nhiệm (qua cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) cho ý kiến); gửi Ban Tổ chức

Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố thẩm định đối với trường hợp kiện toàn cấp ủy; gửi Ban Tổ chức Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ thẩm định đối với trường hợp đề nghị bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Đối với chức danh Chủ tịch, thành viên hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng thuộc thành phố: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm, miễn nhiệm, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố bằng văn bản về chủ trương đối với nhân sự; gửi Ban Tổ chức Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố.

1.2. Thực hiện quy trình bổ nhiệm, bầu cử:

- Sau khi có chủ trương của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện quy trình kiện toàn, bổ nhiệm theo quy định tại Khoản 3 Điều này và quy định khác của Đảng, pháp luật có liên quan.

- Sau khi thực hiện quy trình kiện toàn, bổ nhiệm, cơ quan, đơn vị trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định:

+ Đối với cấp ủy trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố: Đơn vị hoàn thiện hồ sơ, Tờ trình gửi Ban Tổ chức Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố để thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố;

+ Đối với đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố: Đơn vị hoàn thiện hồ sơ, Tờ trình gửi Sở Nội vụ để thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố;

+ Đối với Trường trung cấp, cao đẳng thuộc thành phố: Đơn vị hoàn thiện hồ sơ, Tờ trình gửi Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo để thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố;

+ Đối với chi cục và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở: Cơ quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ, Tờ trình gửi Sở quản lý trực tiếp để có ý kiến; gửi Sở Nội vụ để thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố.

- Căn cứ ý kiến đồng ý của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Bí thư Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố ký quyết định kiện toàn cấp ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký quyết định bổ nhiệm nhân sự.

Đối với trường hợp thuộc diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố cho ý kiến, sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm nhân sự theo thẩm quyền.

2. Đối với chức danh diện Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho ý kiến

2.1. Cơ quan, đơn vị có nhu cầu bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bằng văn bản về số lượng, nguồn nhân sự và dự kiến phân công công tác đối với nhân sự được dự kiến bổ nhiệm (qua cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) cho ý kiến; gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố).

2.2. Sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan, đơn vị thực hiện quy trình bổ nhiệm theo Khoản 3 Điều này và quy định khác của Đảng, pháp luật có liên quan.

2.3. Sau khi thực hiện quy trình bổ nhiệm, cơ quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ, Tờ trình gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để có ý kiến; gửi Sở Nội vụ để thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2.4. Căn cứ ý kiến đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan có thẩm quyền ký quyết định bổ nhiệm nhân sự.

3. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

3.1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Quy trình nhân sự gồm 5 bước; thành phần hội nghị ở mỗi bước quy định tại Phụ lục 2 của Quy định này; từng hội nghị chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

3.1.1. Bước 1: Trên cơ sở chủ trương, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn cán bộ quy hoạch, người đứng đầu chủ trì cùng tập thể lãnh đạo thảo luận, rà soát, thống nhất về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình nhân sự; đồng thời, tiến hành rà soát kết quả đánh giá, nhận xét đối với từng cán bộ trong quy hoạch (gồm cả cán bộ được quy hoạch chức danh tương đương trở lên), thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để lấy ý kiến giới thiệu ở bước tiếp theo.

3.1.2. Bước 2: Căn cứ số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện và danh sách nhân sự đã thông qua ở bước 1, người đứng đầu trao đổi định hướng nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử phù hợp với yêu cầu của cơ quan, đơn vị để hội nghị thảo luận và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín (kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị này).

Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn:

Mỗi thành viên giới thiệu 01 người cho một chức danh; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả

người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

3.1.3. Bước 3: Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 01 người cho một chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở bước 2 hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Người nào đạt số phiếu cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo (kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này). Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Trường hợp nhân sự giới thiệu ở bước này khác với nhân sự được giới thiệu ở bước 2 thì tập thể lãnh đạo họp, thảo luận, phân tích kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt, xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự để giới thiệu ở bước tiếp theo (bằng phiếu kín) theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Người được lựa chọn phải có số phiếu giới thiệu ít nhất $\frac{2}{3}$ trở lên của tổng số thành viên tập thể lãnh đạo theo quy định. Trường hợp không có người đạt số phiếu ít nhất $\frac{2}{3}$ thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

3.1.4. Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến giới thiệu nhân sự theo danh sách đã được giới thiệu ở bước 3 (kết quả kiểm phiếu tính trên số đại biểu có mặt và không công bố tại hội nghị này).

- Trình tự lấy ý kiến:

+ Thông báo danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3; tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; đánh giá, nhận xét ưu, khuyết điểm, triển vọng phát triển và dự kiến lĩnh vực phân công công tác.

+ Ghi phiếu giới thiệu nhân sự (có thể ký hoặc không ký tên).

3.1.5. Bước 5:

Trên cơ sở ý kiến đánh giá, nhận xét (bằng văn bản) của ban thường vụ đảng ủy (đảng ủy cơ quan đối với những nơi không có ban thường vụ); kết quả lấy phiếu ở các hội nghị; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự; tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nguyên tắc lựa chọn:

- Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu so với tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn giới thiệu, bổ nhiệm. Trường hợp 02 người có số phiếu ngang nhau đạt tỉ lệ 50% thì người đứng đầu xem xét, lựa chọn nhân sự đề trình, đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này).

- Cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chịu trách nhiệm về đánh giá, nhận xét, đề xuất, lựa chọn, giới thiệu nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

3.2. Đối với nhân sự điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác

Trường hợp nhân sự do cấp có thẩm quyền dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ngoài cơ quan, đơn vị thì cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các công việc sau:

3.2.1. Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

3.2.2. Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử (người được giới thiệu phải đạt số phiếu trên 50% so với tổng số người được triệu tập; trường hợp người được giới thiệu có số phiếu đạt tỉ lệ 50% thì do người đứng đầu xem xét, quyết định); lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

3.2.3. Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nhưng cơ quan, đơn vị (nơi cán bộ công tác hoặc nơi tiếp nhận cán bộ) hoặc cán bộ còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3.3. Trường hợp cán bộ được phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ thấp hơn hoặc kiêm nhiệm chức vụ thấp hơn chức vụ hiện đang đảm nhiệm, thì tập thể lãnh đạo cấp ủy, cơ quan, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện xem xét, quyết định giới thiệu nhân sự theo thẩm quyền phân cấp quản lý cán bộ, không phải thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự.

3.4. Trường hợp nhân sự do cấp ủy, cơ quan, đơn vị đề xuất điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thì thực hiện quy trình tương tự như quy trình điều động cán bộ nêu tại Quy định này.

3.5. Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức: Nếu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đảm nhiệm trước khi chia

tách, hợp nhất, sáp nhập thì tập thể lãnh đạo có thẩm quyền căn cứ phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ để thảo luận xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình nhân sự theo quy định; trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải thực hiện quy trình nhân sự như bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ở nơi khác theo quy định.

Điều 23. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, giới thiệu tái cử

1. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm công chức hoặc trong thời hạn 90 ngày tính đến thời điểm hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm viên chức; cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bằng văn bản về việc thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ (qua cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) có ý kiến và gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo, đề xuất).

2. Sau khi có chủ trương Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố hoặc ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đối với chức danh cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ, thực hiện một số nội dung sau:

2.1. Nhân sự làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

2.2. Tổ chức hội nghị lấy ý kiến và bỏ phiếu về việc bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với nhân sự theo quy định.

3. Sau khi thực hiện quy trình bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ:

3.1. Đối với đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố: Đơn vị hoàn thiện hồ sơ, Tờ trình gửi Sở Nội vụ để thẩm định, trình Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét theo chức danh cán bộ quản lý.

3.2. Đối với chi cục và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở: Cơ quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ, Tờ trình gửi Sở quản lý trực tiếp để có ý kiến và gửi Sở Nội vụ để thẩm định, trình Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét theo chức danh cán bộ quản lý.

4. Căn cứ ý kiến của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký quyết định bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với nhân sự.

Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền ký quyết định của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký quyết định bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với nhân sự sau

khi có ý kiến của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 24. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

1. Cơ quan, đơn vị có tờ trình kèm văn bản có liên quan báo cáo Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố xem xét việc miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ (qua cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) có ý kiến và gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình).

2. Căn cứ ý kiến đồng ý của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký quyết định miễn nhiệm, cho từ chức, thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với chức danh cán bộ nêu tại Khoản 1 Mục I, Phụ lục 1 Quy định này.

3. Việc bố trí nhân sự sau khi bị miễn nhiệm, từ chức, kỷ luật thực hiện theo quy định của đảng và pháp luật có liên quan.

Chương IV

ĐIỀU ĐỘNG VÀ BIỆT PHÁI CÁN BỘ

Điều 25. Mục đích, yêu cầu

Việc điều động, biệt phái cán bộ phải căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 26. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định

1. Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý (trừ trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý, cho ý kiến).

2. Phạm vi: Giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Thẩm quyền: Thẩm quyền quyết định điều động và biệt phái cán bộ thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và các quy định khác có liên quan.

Điều 27. Quy trình điều động và biệt phái cán bộ

1. Điều động cán bộ

1.1. Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định điều động cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

1.2. Quy trình điều động: Cấp ủy, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các bước sau:

a) Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động cán bộ.

b) Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động cán bộ (người được giới thiệu phải đạt số phiếu trên 50% so với tổng số người được triệu tập; trường hợp người được giới thiệu có số phiếu đạt tỉ lệ 50% thì do người đứng đầu xem xét, quyết định); lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

c) Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trường hợp cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nhưng địa phương, cơ quan, đơn vị (nơi cán bộ công tác hoặc nơi tiếp nhận cán bộ) hoặc cán bộ còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ tổng hợp, báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Biệt phái cán bộ

2.1. Căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị xem xét việc biệt phái cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

2.2. Thời gian biệt phái không quá 03 năm, đối với ngành, lĩnh vực đặc thù, thời gian biệt phái thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Khi hết thời gian biệt phái thì cấp ủy, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái phối hợp với cấp ủy, cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng cán bộ đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái.

2.3. Quy trình biệt phái: Thực hiện theo quy định của pháp luật về sử dụng công chức, viên chức và quy định khác có liên quan.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định điều động, biệt phái của cấp có thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức do Giám đốc sở, ngành và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trước đây vẫn tiếp tục giữ chức

vụ, chức danh đã được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại không phải xin ý kiến Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc báo cáo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách sở, ngành cho đến khi có phát sinh mới về công tác cán bộ.

2. Đối với các nội dung quản lý cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của đảng và pháp luật có liên quan.

Điều 30. Trách nhiệm của cấp ủy, cơ quan, đơn vị liên quan

Cấp ủy, Giám đốc sở, ngành và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu ban, chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trực thuộc sở và doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện đảm bảo theo Quy định này.

Điều 31. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ

Ban Tổ chức Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện Quy định này; tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo, đề xuất Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy định đảm bảo phù hợp với quy định của đảng, pháp luật có liên quan.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Thành ủy (để b/c),
- Đảng ủy UBND TP,
- UBND thành phố,
- Các sở, ngành và tương đương,
- UBND các xã, phường, đặc khu,
- Các ban, Chi cục và tương đương thuộc sở, ngành,
- Các ĐVSN công lập thuộc UBND TP,
- DN do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ,
- DN thành phố có vốn góp,
- Lưu VT.



Lê Ngọc Châu



CHỨC DANH CÁN BỘ QUẢN LÝ THEO PHÂN CẤP
*(Ban hành kèm theo Quy định số 01 - QĐ/ĐU ngày 19/9/2025
 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Chức danh do Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quản lý hoặc cho ý kiến (ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý)

1. Chức danh trực tiếp quản lý

1.1. Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy; Bí thư, Phó bí thư các cấp ủy cơ sở trực thuộc; cấp phó các cơ quan tham mưu chuyên trách giúp việc Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Văn phòng, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo và dân vận); Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; trưởng, phó các tổ chức chính trị xã hội trực thuộc Đảng ủy.

1.2. Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố (chức danh cơ cấu).

1.3. Người đứng đầu các ban, chi cục và tương đương thuộc sở, ngành.

1.4. Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban Tiếp công dân, Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

1.5. Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

1.6. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường cao đẳng; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường trung cấp.

1.7. Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng quản lý của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, sở, ngành theo quy định.

1.8. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc các sở, ngành có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo của người đứng đầu từ 0,7 trở lên (trừ người đứng đầu đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý, Trường phòng Công chứng trực thuộc Sở Tư pháp).

1.9. Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

1.10. Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thành phố có vốn góp: liên doanh nước ngoài có vốn điều lệ dưới 20 triệu USD; doanh nghiệp liên doanh trong nước có vốn điều lệ dưới 300 tỷ đồng Việt Nam.

1.11. Các chức vụ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức khác thuộc thẩm quyền quyết định về công tác cán bộ của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Chức danh cho ý kiến

2.1. Khi thực hiện quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với chức danh Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2.2. Khi thực hiện quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển

a) Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng: Trường Đại học Hải Phòng, Trường Đại học Hải Dương.

b) Phó Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp; Phó Giám đốc Bệnh viện đa khoa Hải Dương.

2.3. Khi thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển

a) Cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ngành có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,8 trở lên.

b) Hiệu trưởng các trường: THPT chuyên Trần Phú; THPT chuyên Nguyễn Trãi.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

II. Chức danh do Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND thành phố trực tiếp cho ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định (khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển)

Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo từ 0,7 trở lên (trừ Hiệu trưởng các trường: THPT chuyên Trần Phú; THPT chuyên Nguyễn Trãi).

III. Chức danh do Giám đốc sở, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh Thanh tra Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng quyết định (ngoài diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quản lý)

1. Chánh Văn phòng; Trưởng phòng chuyên môn thuộc sở, ngành và tương đương.

2. Phó Chánh Văn phòng; Phó Trưởng phòng chuyên môn thuộc sở, ngành và tương đương.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chi cục, ban trực thuộc sở (nếu có).

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ngành có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo dưới 0,7.

5. Cấp phó người đứng đầu cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ chức danh lãnh đạo, quản lý không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc sở và tương đương theo quy định có liên quan).

6. Các chức danh lãnh đạo, quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển đối với chức danh nêu tại Khoản 2 Mục I và Mục II Phụ lục 1 (nếu có) được thực hiện sau khi có ý kiến của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định; xin ý kiến Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách sở, ngành trước khi thực hiện bổ nhiệm đối với chức danh nêu tại Khoản 1 Mục này.

IV. Chức danh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định

1. Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn; Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Các chức danh lãnh đạo, quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc quy định của cấp ủy cùng cấp.

V. Chức danh do Người đứng đầu chi cục, ban thuộc sở; Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, trực thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, trực thuộc Chi cục, ban (nếu có), trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập quyết định (ngoài diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý)

1. Cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chi cục, ban (nếu có).

2. Trưởng phòng, khoa; Phó Trưởng phòng, khoa và tương đương trực thuộc.

3. Các chức danh lãnh đạo, quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

**PHỤ LỤC 2****THÀNH PHẦN THAM DỰ Ở CÁC BƯỚC TRONG QUY TRÌNH
BỔ NHIỆM, GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ ĐỐI VỚI CÁN BỘ ĐIỆN
ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ
NGUỒN NHÂN SỰ TẠI CHỖ**

(Ban hành kèm theo Quy định số **01** -QĐ/ĐU ngày **19/9/2025**
của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Đối với các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

Thực hiện theo Mục 8 Phụ lục 2 Quy định số 145-QĐ/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm giới thiệu cán bộ ứng cử.

2. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị khối chính quyền

2.1. Đối với công chức lãnh đạo, quản lý

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1): Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Kết quả thảo luận và đề xuất được ghi thành biên bản.

b) Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng”: Tập thể lãnh đạo theo quy định tại điểm a khoản này; Ban thường vụ cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp trên cơ sở) hoặc cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp cơ sở) của cơ quan, tổ chức, đơn vị; người đứng đầu các đơn vị thuộc và trực thuộc (nếu có); cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2): Thực hiện như quy định ở bước 1.

d) Bước 4: Hội nghị cán bộ chủ chốt cơ quan, đơn vị: Tập thể lãnh đạo mở rộng theo quy định tại điểm b khoản này; bí thư các chi bộ và người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có); cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc (nếu có).

đ) Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 3): Thực hiện như quy định ở bước 1.

2.2. Đối với viên chức lãnh đạo, quản lý

a) Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1): Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, gồm:

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; việc xác định người đứng đầu trong cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định của Đảng và của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập không trong Ban thường vụ cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp trên cơ sở) hoặc cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp cơ sở) của cơ quan, đơn vị thì người đứng đầu Ban thường vụ cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp trên cơ sở) hoặc người đứng đầu cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp cơ sở) của cơ quan, đơn vị tham dự.

Đại diện lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm chủ trì hội nghị hoặc ủy quyền chủ trì hội nghị.

Người đứng đầu cơ quan hoặc bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm tham dự hoặc ủy quyền cho cấp phó tham dự hội nghị nhưng không bỏ phiếu.

Kết quả thảo luận và đề xuất được ghi thành biên bản.

b) Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng”: Tập thể lãnh đạo theo quy định tại điểm a khoản này; Ban thường vụ cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp trên cơ sở) hoặc cấp ủy cùng cấp (đối với tổ chức đảng cấp cơ sở) của cơ quan, đơn vị; người đứng đầu các đơn vị thuộc và trực thuộc (nếu có); cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2): Thực hiện như quy định ở bước 1.

d) Bước 4: Hội nghị cán bộ chủ chốt cơ quan, đơn vị: Tập thể lãnh đạo theo quy định tại điểm b khoản này; bí thư các chi bộ và người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội của đơn vị sự nghiệp công lập; cấp phó người đứng đầu đơn vị thuộc và trực thuộc (nếu có).

Trường hợp bổ nhiệm viên chức quản lý của đơn vị là tổ chức cấu thành hoặc cơ quan, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc nhưng có dưới 30 người hoặc cơ quan, đơn vị không có tổ chức cấu thành thì thành phần tham dự gồm toàn thể viên chức của cơ quan, đơn vị.

đ) Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 3): Thực hiện như quy định ở bước 1.

**PHỤ LỤC 3****DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ**

(Ban hành kèm theo Quy định số 01 - QĐ/ĐU ngày 19 / 9 / 2025
của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố)

I. Hồ sơ nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình và Biên bản kiểm phiếu ở các bước.

2. Sơ yếu lý lịch 2C theo quy định hiện hành (Mẫu của Ban Tổ chức Trung ương) do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6 và đóng dấu.

3. Đánh giá, nhận xét 03 năm gần nhất của các cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.

4. Đánh giá, nhận xét của chi bộ nơi công tác (có xác nhận của đảng ủy cơ sở).

5. Nhận xét của cấp ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ; phiếu khai bổ sung lý lịch người thân hiện công tác, lao động, học tập, cư trú ở nước ngoài (nếu có).

6. Kết luận tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng; phiếu khai chính trị (đối với nhân sự thuộc thẩm quyền kết luận tiêu chuẩn chính trị của Thường trực Thành ủy).

7. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).

8. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; quyết định tuyển dụng công chức, viên chức... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

Trường hợp văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải có giấy công nhận hoặc văn bản trả lời của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

9. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

* Số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy: 04 bộ hồ sơ đầy đủ.
- Hồ sơ gửi Sở Nội vụ: 01 bộ hồ sơ đầy đủ.

* Lưu ý: Các tài liệu nêu tại Mục 2,3,4,5,7,9 không quá 06 tháng tính đến thời điểm xem xét; Mục 6 tại thời điểm thực hiện quy trình công tác cán bộ.

II. Hồ sơ miễn nhiệm, từ chức, thôi giữ chức vụ

1. Báo cáo của cấp ủy, cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ về việc đề nghị miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.

2. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ.

3. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền; biên bản hội nghị và các tài liệu có liên quan (nếu có).

4. Đơn của cán bộ xin từ chức, thôi giữ chức vụ.

* Số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy: 03 bộ hồ sơ đầy đủ.
- Hồ sơ gửi Sở Nội vụ: 01 bộ hồ sơ đầy đủ.
